

HOA NÔNG NGHIỆP

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ lực :Mau giao
Tổng số trẻ :303

Sang : Hút tằm kho thốt nam mướp cà rốt
gia heo
Sữa gạo
Trà : Cơm cà hồi ngũ sắc sốt chanh dây ớt
chuối hành tây cà rốt cà chua. Canh bí
xanh tằm kho thốt heo nạc ngó rí
Món luộc: rau dền
Xe: sữa gạo
Xe chiều: bún thốt chua chua nam mướp bắp
gia

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37003				
STT	Tên thực phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Tôm kho	400	78,100	312,400
2	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
3	Chanh dây*	1,500	4,940	74,100
4	Cà hồi	7,300	50,400	3,679,200
5	Nộm măng Cà (loại 1)	2,500	8,800	220,000
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nộm cá	4,000	3,880	155,200
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Xì dầu	1,000	990	9,900
10	Gạo tẻ may	17,000	2,630	447,100
11	Hu tằm	16,000	1,820	291,200
12	Ngó (bắp) tươi	1,000	4,200	42,000
13	Hành lá	1,500	6,300	94,500
14	Hành củ tươi	1,000	5,780	57,800
15	Cà rốt	5,500	5,460	300,300
16	Nam rôm	1,000	13,130	131,300
17	Cà chua	100	6,510	6,510
18	Rau ngó (Rau mui)	200	8,820	17,640
19	Gia nấu xanh	2,000	2,730	54,600
20	Hệ lá	100	5,570	5,570
21	Ớt vàng to	1,000	10,400	104,000
22	Hành tây	500	3,570	17,850
23	Bí ngó (Bí xanh)	9,000	4,410	396,900
24	Mướp	4,000	3,990	159,600
25	Rau dền	3,000	4,730	141,900
26	Bún	18,000	1,710	307,800
27	Giò lụa	1,000	20,350	203,500
28	Thịt nạc băm	7,200	17,960	1,293,120
Cong				8,772,290
	*XUẤT KHO			
29	Sữa bột Abbott Grow	11,900	20,500	2,439,500
Cong				2,439,500
Tổng tiền thực phẩm				11,211,790 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nợ chỉ trong ngày				11211000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-790(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				